

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

**TÀI LIỆU SINH HOẠT
NGÀY PHÁP LUẬT THÁNG 12/2021**

**NỘI DUNG: PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG,
CHỐNG TỘI PHẠM LỪA ĐẢO CHIẾM
ĐOẠT TÀI SẢN; TỘI PHẠM LIÊN
QUAN ĐẾN “TÍN DỤNG ĐEN”**



(sưu tầm)

Tháng 12/2021

**TÀI LIỆU SINH HOẠT NGÀY PHÁP LUẬT
THÁNG 12 NĂM 2021**

*(Kèm theo Công văn số..... / STP-PBGDPL ngày...../12/2021
của Sở Tư pháp)*

CHUYÊN ĐỀ 1

**TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN VỀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC, THỦ
ĐOẠN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN BẰNG HÌNH THỨC SỬ
DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ NÊU MỘT SỐ VỤ ĐIỂN HÌNH TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

Trên cơ sở Thông báo số 5071/TB-CAT-PC02 ngày 19/12/2021 của Công an tỉnh An Giang về việc thông báo về phương thức, thủ đoạn của đối tượng sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sở Tư pháp triển khai tuyên truyền, phổ biến tài liệu pháp luật đến các Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố, các phòng, đơn vị thuộc Sở nội dung về một số phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức sử dụng công nghệ cao thông qua sinh hoạt Ngày pháp luật tháng 12 năm 2021 như sau:

1. Đối tượng sử dụng các ứng dụng trên mạng internet, mạng viễn thông, sử dụng sim số điện thoại khuyến mãi không đăng ký chính chủ, ẩn danh hoặc các số điện thoại ảo; dùng phần mềm giả danh số điện thoại của Cơ quan công an gọi điện giả danh là nhân viên bưu điện, ngân hàng, nhân viên điện lực liên hệ thông báo chủ thuê bao đang nợ cước viễn thông, nợ ngân hàng quá hạn, nợ tiền điện; hoặc giả danh cán bộ Công an, Viện kiểm sát các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giả mạo cổng thông tin điện tử Bộ Công an..., sau khi bắt chuyện đối tượng thông báo chủ thuê bao có liên quan đến các vụ án ma túy, rửa tiền đang bị điều tra, yêu cầu bị hại kết bạn Zalo, Viber và gửi hình ảnh lệnh bắt tạm giam của cơ quan pháp luật cho bị hại xem. Sau đó yêu cầu bị hại khai báo thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng hoặc yêu cầu bị hại mở tài khoản mới và nộp tiền vào, trong vòng 24 giờ hoặc 01 tuần lễ để xác minh bị hại không liên quan đến vụ án thì trả lại tiền và bọn chúng yêu cầu bị hại đăng nhập các phần mềm do bọn chúng thiết kế, khi bị hại tải về máy mình, phần mềm yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản, mã OTP...hoặc yêu cầu bị hại trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản do đối tượng cung cấp, rồi chiếm đoạt.

*** Vụ việc diễn hình như:**

- Ngày 22/10/2021, đối tượng sử dụng số điện thoại 00804913381880 (đầu số 008 là đầu số ảo) gọi vào số điện thoại của anh Nguyễn V. B, ngụ tại phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, xưng danh là nhân viên Tổng đài của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hỏi thông tin tên họ địa chỉ cá nhân, sau đó thông báo cho anh B biết đang còn nợ tiền điện trên 60 triệu đồng và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã gửi đến Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết, đối tượng cho số điện thoại 0692342593 để anh B tra cứu tin là số điện thoại của ngành Công an, nhưng sau đó đối tượng sử dụng số điện thoại 00784.069234593, nói chuyện với B, giả xưng danh là Công an, hăm dọa anh B có liên quan trong vụ án rửa tiền. Do lo sợ bị bắt, anh B đã thực hiện theo yêu cầu của đối tượng đăng nhập vào đường link do đối tượng lập ra giả mạo Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, anh B tin tưởng là của Bộ Công an thật nên đã đăng nhập thông tin cá nhân, số tài khoản ngân hàng và mật khẩu vào. Sau đó vài giờ anh B, nghi ngờ mình bị lừa đảo, kiểm tra tài khoản thì phát hiện tiền trong tài khoản của mình đã chuyển tiền sang tài khoản khác 03 lần với tổng số tiền 299.000.000 đồng.

- Ngày 15/11/2021, đối tượng sử dụng số điện thoại 008700236113 (đầu số 008 là đầu số ảo) gọi vào điện thoại của ông Trần N. T, nơi cư trú: phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, hỏi thông tin tên họ địa chỉ cá nhân, sau đó thông báo cho ông T biết là đang có kiện hàng liên quan đến ông, rồi đối tượng liên kết với người khác xưng là Công an, Viện Kiểm sát nói chuyện đe dọa ông T đang có lệnh bắt vì liên quan đến vụ án rửa tiền, ma túy, yêu cầu ông T phải nộp tiền vào tài khoản do bọn chúng cung cấp để làm tin đảm bảo, trong 01 tuần lễ nếu xác minh ông T không liên quan đến vụ án thì bọn chúng trả lại tiền. Do lo sợ bị bắt, ông T đã thực hiện theo yêu cầu của đối tượng, đến Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Long Xuyên, chuyển tổng số tiền 737.200.000 đồng vào số tài khoản do đối tượng cung cấp. Đến ngày 17/11/2021, đối tượng tiếp tục yêu cầu ông T chuyển tiền, ông T nghi ngờ mình đã bị lừa đảo nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang trình báo.

2. Đối tượng sử dụng mạng xã hội để kết bạn, thông báo gửi quà, sau đó giả danh nhân viên sân bay, hải quan, thuê yêu cầu nộp tiền để nhận quà rồi chiếm đoạt, hoặc giả vờ mình là doanh nhân nhưng đang vì lý do gì đó tài khoản ngân

hàng của đối tượng đang bị tạm thời đóng băng nên nhờ chuyển tiền cho mượn nhiều lần rồi chiếm đoạt trên nhanh chóng được chuyển qua nhiều tài khoản khác nhau, rồi chiếm đoạt.

*** Vụ việc điển hình như:**

Vụ chị Huỳnh T.K.O, cư trú: tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, bị đối tượng lừa đảo chiếm đoạt trên 4 tỷ đồng, xảy ra từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021, tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, bằng thủ đoạn làm quen kết bạn qua mạng xã hội trên phần mềm ứng dụng Skype và WhatsApp, đối tượng giới thiệu là thương nhân người Mỹ, đang làm việc với đối tác tại Afghanistan, không thực hiện được các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng cá nhân của Ngân hàng tại Mỹ, đối tượng đưa ra nhiều thông tin làm cho chị K.O tin tưởng là thật nên đã làm theo yêu cầu của đối tượng, nhiều lần chuyển số tiền trên 4 tỷ đồng vào các tài khoản do đối tượng cung cấp với hy vọng sẽ được trả lại số tiền nhiều hơn nhưng sau khi chị K.O chuyển tiền vào các tài khoản do đối tượng cung cấp, số tiền trên nhanh chóng được chuyển qua nhiều tài khoản khác nhau, rồi chiếm đoạt.

3. Đối tượng sử dụng mạng xã hội quảng bá việc cho vay tiền, khi bị hại liên hệ, đối tượng yêu cầu bị hại phải đóng một khoản phí để làm thủ tục vay, rồi chiếm đoạt.

*** Vụ việc điển hình:**

Vụ anh Nguyễn C.K, tạm trú: phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, vào khoảng giữa tháng 10/2021, có người gọi điện thoại qua phần mềm ứng dụng Zalo của anh làm quen, giới thiệu là nhân viên Công ty tài chính TNHH MTV JACCS Quốc tế Việt Nam, mời quảng bá cho vay tiêu dùng thủ tục đơn giản, lãi suất ưu đãi. Sau đó, đối tượng đã đưa ra nhiều lý do yêu cầu anh K hoàn tất thủ tục, để được nhận chuyển tiền vay phải chuyển tiền cho bọn chúng nhiều loại phí khác nhau, đến khi anh K đã chuyển 394.700.000 đồng cho bọn chúng mới nghi mình bị lừa đảo, đến Cơ quan điều tra tố giác.

4. Đối tượng tạo dựng các website đầu tư tài chính, giới thiệu, mời chào, lôi kéo người dân tham gia đầu tư, kinh doanh các loại tiền ảo, tiền điện tử, các sàn giao dịch ngoại hối trái phép với những hứa hẹn về lợi nhuận, mức hoa hồng hấp dẫn, lợi nhuận cao. Người đầu tư đóng tiền vào hệ thống bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản để quy đổi thành tiền ảo. Đến khi số lượng người tham gia nhất

định, các đối tượng sẽ can thiệp vào hệ thống hoặc ngừng hoạt động để chiếm đoạt tiền của người tham gia.

5. Đối tượng sử dụng sim không chính chủ giả danh nhân viên, cán bộ của Trung tâm mua sắm gọi vào các số điện thoại của bị hại để thông báo với bị hại là họ đã may mắn trúng thưởng của một chương trình do đối tượng đặt ra. Phần thưởng đối tượng đưa ra là một tài sản có giá trị cao như: Tivi, tủ lạnh, máy massage... Nếu bị hại tin tưởng thì đối tượng sẽ thông báo về thủ tục nhận thưởng. Sau đó đối tượng yêu cầu phải nộp một số phí để được nhận quà thưởng, rồi chiếm đoạt.

6. Khi phát hiện bị hại rao bán hàng là những đồ vật có giá trị trên mạng xã hội (qua Facebook, Zalo, Viber...), đối tượng liên lạc cho bị hại biết sẽ mua hàng với giá bị hại bán và trả tiền bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng, yêu cầu bị hại cung cấp số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền cho bị hại. Sau đó đối tượng tạo một trang web yêu cầu bị hại nhập các thông tin trên trang web này, nhằm lấy được thông tin cá nhân và số điện thoại của bị hại đã đăng ký với ngân hàng. Chúng sử dụng những thông tin đó để xâm nhập vào tài khoản của người bị hại rồi yêu cầu bị hại gửi mã xác nhận đã đăng ký với ngân hàng cho đối tượng với lý do có mã xác nhận này chúng mới thực hiện được việc chuyển tiền cho bị hại. Tương thật, bị hại gửi mã xác nhận của mình cho chúng thì bị chúng xâm nhập vào tài khoản (bằng Internet Banking) để rút hết số tiền của bị hại có trong tài khoản nhằm chiếm đoạt.

7. Đối tượng thu mua tài khoản mạng xã hội, lập tài khoản mạng xã hội (Facebook, Zalo, Viber...) giống hoặc chiếm quyền quản trị (hack) tài khoản của bị hại, nhắn tin, lừa người thân, bạn bè của chủ tài khoản mượn tiền, chuyển tiền cho các đối tượng rồi chiếm đoạt.

CHUYÊN ĐỀ 2
TÌM HIỂU PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG TỘI
PHẠM “TÍN DỤNG ĐEN”

Phần 1
BỘ LUẬT DÂN SỰ

Bộ Luật Dân sự 2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, gồm có 27 Chương, 689 Điều.

Câu hỏi 1: Việc áp dụng Bộ luật dân sự được quy định như thế nào trong Bộ Luật dân sự năm 2015?

Đáp:

Để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong xây dựng, áp dụng pháp luật dân sự và để làm rõ vị trí, vai trò của Bộ luật dân sự, Điều 4 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định việc áp dụng Bộ luật dân sự như sau:

1. Bộ luật này là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự.
2. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.
3. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng.
4. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Bộ luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Câu hỏi 2: Theo quy định của pháp luật thì quyền dân sự được xác lập như thế nào?

Đáp :

Theo điều 8 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Quyền dân sự được xác lập từ các căn cứ sau đây:

1. Hợp đồng.

2. Hành vi pháp lý đơn phương.
3. Quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của luật.
4. Kết quả của lao động, sản xuất, kinh doanh; kết quả của hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.
5. Chiếm hữu tài sản.
6. Sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.
7. Bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật.
8. Thực hiện công việc không có ủy quyền.
9. Căn cứ khác do pháp luật quy định.

Câu hỏi 3: Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là gì? Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có và chấm dứt khi nào? Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là gì?

Đáp:

Theo khoản 1, 3 Điều 16 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự.

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

Ngoài ra, theo điều 19 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

Câu hỏi 4: Giao dịch dân sự là gì? Giao dịch dân sự có hiệu lực cần điều kiện gì? Hình thức của giao dịch dân sự là gì?

Đáp:

Theo điều 116 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: *Giao dịch dân sự* là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Căn cứ theo khoản 1,2 Điều 117 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

Câu hỏi 5: Giao dịch dân sự được thể hiện qua hình thức nào? Trường hợp nào phải được thể hiện bằng văn bản?

Đáp:

Theo khoản 1,2 Điều 119 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.

Câu hỏi 6: Bộ Luật Dân sự 2015 quy định như thế nào là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo?

Đáp :

Theo Điều 124 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.

2. Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu.

Câu hỏi 7: Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì có vô hiệu hay không? Trong trường hợp nào thì giao dịch dân sự không vô hiệu?

Đáp:

Theo khoản 1,2 Điều 125 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Khi giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Giao dịch dân sự của người quy định tại khoản 1 Điều này không bị vô hiệu trong trường hợp sau đây:

a) Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó;

b) Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ;

c) Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự.

Câu hỏi 8: Theo quy định của pháp luật thì như thế nào là hợp đồng vay tài sản?

Đáp :

Theo điều 463 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Câu hỏi 9: Bên vay tài sản là gì? Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như thế nào?

Đáp :

Theo khoản 1, 5 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Câu hỏi 10: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận như thế nào? Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định như thế nào?

Đáp :

Theo khoản 1,2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Câu hỏi 11: Theo quy định của pháp luật thì hợp đồng vay không kỳ hạn được thực hiện như thế nào? Và hợp đồng vay có kỳ hạn được thực hiện như thế nào?

Đáp :

- Theo điều 469 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.”

- Theo điều 470 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

“Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”

Phần 2

BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Câu hỏi 12: Theo Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định như thế nào?

Đáp

Căn cứ theo Điều 174 Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

g) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu hỏi 13: Theo Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định như thế nào?

Đáp:

Căn cứ theo Điều 201 Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Phần 3**TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG ĐEN**

Tình huống 1. Nam là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, Nam muốn kiếm việc làm thêm để đỡ gánh nặng cho gia đình. Vài người bạn môi giới cho Nam nhận phát tờ rơi quảng cáo hình thức cho vay nhanh chóng “chỉ cần CMND và hóa đơn tiền điện”. Công việc của Nam là vào khung giờ từ 4 đến 5 giờ sáng hàng ngày rải tờ rơi theo các tuyến đường và dán tờ rơi vào các cột điện trên đường.

Vậy, hành vi của Nam có vi phạm pháp luật không và sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 4, khoản 16 Điều 8 Luật Quảng cáo năm 2012 quy định các hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo như sau:

“4. Quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, trật tự, an toàn giao thông, an toàn xã hội.

16. Treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng.”

Với hành vi của Nam là hàng ngày rải tờ rơi quảng cáo trên các tuyến đường và dán tờ rơi quảng cáo trên các cột điện trên đường là vi phạm quy định pháp luật về quảng cáo. Hơn nữa, Nam rải tờ rơi và dán tờ rơi trên các cột điện, có nội dung quảng cáo hình thức cho vay nhanh chóng “chỉ cần CMND và hóa đơn tiền điện” vô tình tiếp tay cho nhóm người cho vay “nặng lãi” làm cho nhiều người “sập bẫy tín dụng đen”.

Căn cứ khoản 1 Điều 43 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo quy định: *“1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo quy định: “1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng...”;

Do đó, đối với hành vi rải tờ rơi quảng cáo của Nam có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 triệu đến 2 triệu đồng; Hành vi dán tờ rơi quảng cáo trên cột điện sẽ bị phạt tiền từ 1 triệu đến 2 triệu đồng.

Tình huống 2. Anh Điệp (28 tuổi) là công nhân tại Khu công nghiệp tại huyện C. Vì tình hình dịch bệnh, nơi làm việc của anh Điệp cho nhân viên tạm nghỉ để phòng, chống dịch. Do cần tiền gấp, anh Điệp quyết định vay tiền để trang trải. Qua mạng xã hội Facebook, anh Điệp biết được một ứng dụng (app) cho vay tiền “không cần tài sản thế chấp, thủ tục nhanh chóng đơn giản”. Sau khi tải ứng dụng trên về điện thoại và điền đầy đủ thông tin, anh Điệp vay 15.000.000 đồng trong vòng 3 tháng với lãi suất 2,5%/ngày. Do không trả lãi đúng hạn, một số đối tượng nhận là nhân viên của ứng dụng trên gọi điện thoại cho người thân, bạn bè... của anh Điệp để chửi bới, đòi nợ. Anh Điệp phải thế chấp đất để trả hết nợ cả vốn lẫn lãi gần 50 triệu đồng. Hành vi cho vay qua ứng dụng với lãi suất như trên có vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trong trường hợp này, lãi suất mà anh Điệp phải trả khi vay tiền qua app là 2,5%/ngày, tương đương 75%/tháng (vượt mức lãi suất tối đa là 1,67%/tháng). Việc cho vay vượt quá lãi suất giới hạn là vi phạm pháp luật.

Hành vi trên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

- Người phạm tội cho vay lãi nặng có thể bị xử lý hình sự nếu thực hiện hành vi cho vay với lãi suất từ 100%/năm trở lên và thu lợi bất chính từ 30 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị

phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Phạt tiền từ 200 triệu - 1 tỉ đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm nếu phạm tội mà thu lợi bất chính 100 triệu đồng trở lên.

Trong trường hợp này, số tiền thu lợi bất chính là trên 32 triệu đồng. Đối chiếu với quy định của pháp luật, người phạm tội cho vay lãi nặng có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 30 - 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1- 5 năm.

Tình huống 3. Liên tục nhiều ngày, chị Pha thường xuyên nhận được các cuộc gọi, tin nhắn từ số điện thoại khác nhau yêu cầu phải có trách nhiệm với khoản vay của anh Trình (một người bạn cũ của chị). Hơn thế nữa, với lý do chị Pha không tác động để anh Trình trả nợ, bên đòi nợ còn đưa hình ảnh của chị lên mạng xã hội bêu rếu nói xấu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và công việc của chị Pha. Hành vi trên có vi phạm pháp luật không? Chị Pha cần làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

Trả lời:

Theo Điều 32 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý trừ một số trường hợp đặc biệt khác mà luật đã quy định.

Hành vi đăng những hình ảnh trái phép gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác là hành vi trái pháp luật. Tùy vào từng mức độ, hậu quả xảy ra của hành vi mà có thể phải bị xử lý vi phạm hành chính hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về xử lý vi phạm hành chính

Hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân sẽ bị phạt tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng đối với cá nhân và từ 10 triệu đến 20 triệu đồng đối với tổ chức theo điểm a khoản 1 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

Về truy cứu trách nhiệm hình sự

Người thực hiện hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác có dấu hiệu của tội vu khống. Theo đó, khung hình phạt nhẹ nhất thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm theo điểm a khoản 1 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong trường hợp này, chị Pha cần thu thập căn cứ chứng minh hành vi trên và có thể gửi đơn đến cơ quan công an hoặc gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tình huống 4. Đầu năm, ông Bình có vay ngân hàng 50 triệu đồng để xây một ao nuôi cá sau nhà. Ba tháng sau, ông mất do đột quỵ và không để lại di chúc. Anh Trọng là con trai và là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông Bình. Nay ngân hàng đòi nợ, anh Trọng có trách nhiệm trả nợ khoản tiền vay của cha không (trong hợp đồng vay không ghi về nghĩa vụ của người thừa kế)?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn nên ông Bình có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như sau:

“Điều 611. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế

1. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.

...

Điều 614. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế

Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Điều 615. Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...”

Đối chiếu các quy định trên, mặc dù trong hợp đồng vay không ghi về nghĩa vụ của người thừa kế, nhưng anh Trọng là người được hưởng thừa kế di sản do ông Bình để lại vẫn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà anh Trọng được nhận.

Tình huống 5. Chị Lan và anh Khiêm đã làm đám cưới được 6 tháng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống với nhau, anh Khiêm có vay nặng lãi 50 triệu và bỏ trốn. Do không tìm được anh Khiêm nên chủ nợ đã đến nhà và lấy chiếc xe máy của chị Lan. Trong trường hợp này, chị Lan có phải trả số tiền mà anh Khiêm đã vay nặng lãi không? Chị Lan có thể lấy lại tài sản của mình hay không?

Trả lời:

Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng (Khoản 7 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Bên cạnh đó, Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Đối chiếu với các quy định trên, đối với trường hợp này, do chị Lan và anh Khiêm chung sống với nhau như vợ chồng mà không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng (theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Do đó, chị Lan không có nghĩa vụ đối với khoản tiền vay 50 triệu đồng phát sinh giữa anh Khiêm với bên thứ ba, đồng thời, chị Lan hoàn toàn có thể đòi lại chiếc xe máy của mình.